

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

NGÔN NGỮ CHỈ THANG ĐỘ TRONG CÁC BÌNH LUẬN TRỰC TUYẾN VỀ BỘ PHIM “BÓNG MA HẠNH PHÚC”

BÙI THỊ THANH MAI*

TÓM TẮT: Trên cơ sở Lý thuyết Đánh giá của Martin và White (2005), bài viết khảo sát các nguồn lực Thang độ (*Graduation*) trong 200 bình luận trực tuyến của khán giả Việt Nam về bộ phim truyền hình *Bóng ma hạnh phúc*. Bộ phim được phát sóng bởi Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2026. Nghiên cứu tập trung phân tích đặc điểm ngữ nghĩa của các nguồn lực này cũng như các mô thức từ vựng - ngữ pháp qua đó chúng được hiện thực hóa. Thông qua phân tích định tính kết hợp với thống kê định lượng, nghiên cứu nhận diện các nguồn lực ngôn ngữ biểu thị Thang độ theo hai tiểu hệ thống Lực (*Force*) và Tiêu điểm (*Focus*) trong diễn ngôn bình luận trên mạng xã hội về bộ phim. Kết quả cho thấy, người viết bình luận vận dụng phong phú các nguồn lực thuộc tiểu hệ thống Lực, đặc biệt là tăng cường mức độ và lượng hóa, nhằm biểu đạt những thái độ đánh giá mạnh mẽ đối với các tình tiết tự sự. Đáng chú ý, các chiến lược tăng cấp giá trị đánh giá chiếm ưu thế áp đảo. Mô thức này phản ánh bản chất tương tác và giàu cảm xúc của diễn ngôn bình luận phim trực tuyến. Nghiên cứu góp phần cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm cho hướng nghiên cứu về ngôn ngữ đánh giá trong bình luận phim trực tuyến bằng tiếng Việt.

TỪ KHÓA: Ngôn ngữ đánh giá; thang độ; lực; tiêu điểm; bình luận trực tuyến.

NHẬN BÀI: 06/07/2026. **BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 09/09/2026

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông số đã làm thay đổi sâu sắc cách công chúng tiếp nhận, đánh giá và tham gia vào đời sống của các sản phẩm văn hóa đại chúng. Trong lĩnh vực phim truyền hình, người xem không còn giữ vai trò tiếp nhận thụ động mà ngày càng chủ động bày tỏ quan điểm, cảm xúc và thái độ đánh giá thông qua các lời bình trên Facebook, YouTube, TikTok và nhiều nền tảng trực tuyến khác. Những lời bình này không chỉ phản ánh phản ứng tức thời của khán giả trước tác phẩm điện ảnh, mà còn góp phần kiến tạo dư luận, định hướng sự lan tỏa truyền thông và hình thành giá trị xã hội của bộ phim trong không gian số.

Từ góc nhìn ngôn ngữ học, lời bình trực tuyến là một kiểu diễn ngôn giàu tính đánh giá. Trong đó, vấn đề đáng chú ý không chỉ nằm ở việc người xem đánh giá bộ phim tích cực hay tiêu cực, mà còn ở cách họ điều chỉnh cường độ, mức độ và phạm vi của những đánh giá ấy. Đây chính là bình diện thuộc hệ thống Thang độ trong lý thuyết Đánh giá của Martin và White. Thang độ cho phép người bình gia tăng hoặc giảm nhẹ sắc thái biểu cảm, mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi nhận định, qua đó làm nổi bật hiệu lực thuyết phục và tác động cảm xúc của phát ngôn.

Trong các lời bình trực tuyến về phim truyền hình *Bóng ma hạnh phúc*, những phương tiện ngôn ngữ chỉ Thang độ xuất hiện với tần suất cao và hình thức đa dạng. Người bình luận thường sử dụng các từ ngữ tăng cường như “rất”, “quá”, “cực kì”, “siêu”, “vô cùng”; các kết cấu khẩu ngữ giàu cảm xúc như “khóc hết nước mắt”, “cười vỡ bụng”, “không thể tin nổi”, hoặc các biểu thức mở rộng phạm vi như “ai cũng”, “cả nhà”, “từ đầu đến cuối”. Những biểu hiện này cho thấy Thang độ không chỉ là phương tiện ngữ nghĩa dùng để biểu thị mức độ đánh giá mà còn là chiến lược giao tiếp giúp người bình luận nhấn mạnh lập trường, tạo sự đồng cảm và tham gia vào cộng đồng diễn ngôn của khán giả.

Mặc dù lý thuyết Đánh giá đã được vận dụng trong nhiều nghiên cứu ngôn ngữ học, các công trình tập trung chuyên biệt vào hệ thống Thang độ trong lời bình trực tuyến tiếng Việt nhưng những nghiên cứu diễn ngôn trực tuyến của khán giả về phim truyền hình vẫn còn hạn chế. Vì vậy, việc khảo sát

*Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông; Email: bttmai81@gmail.com

đặc điểm ngôn ngữ chỉ Thang độ trong những lời bình luận trực tuyến về *Bóng ma hạnh phúc* có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Về lý luận, nghiên cứu góp phần bổ sung tư liệu cho việc nhận diện và mô tả hệ thống Thang độ trong tiếng Việt hiện đại. Về thực tiễn, nghiên cứu giúp làm rõ cách người dùng mạng xã hội sử dụng ngôn ngữ để kiến tạo, khuếch đại và lan truyền đánh giá trong môi trường giao tiếp số.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Phạm trù Thang độ trong Lý thuyết Đánh giá đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ học quốc tế lẫn trong nước. Martin và White (2005) xác lập Thang độ như một tiểu hệ thống liên nhân cho phép người nói/ viết điều chỉnh cường độ của các đánh giá theo trục tăng giảm, qua đó mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi biểu đạt cảm xúc, phán xét và đánh giá. Từ nền tảng lý thuyết này, các nghiên cứu tiếp theo đã khai thác Thang độ theo nhiều hướng khác nhau một cách phong phú.

Ở bình diện quốc tế, Carretero và Taboada (2014) trực tiếp khảo sát Thang độ trong thể loại bình luận phim trên ngữ liệu 64 bài bình luận tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha. Kết quả cho thấy phân bố tổng thể của các tiểu loại Thang độ giữa hai ngôn ngữ có nét tương đồng, song phân tích chi tiết theo từng tham số lại bộc lộ những khác biệt đáng kể, đặc biệt ở cách biểu đạt phạm trù Cảm xúc. Trong bối cảnh giảng dạy ngoại ngữ, Kuswoyo và cộng sự (2022) khảo sát việc sử dụng Thang độ trong bài thuyết trình bình luận sách của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy người học đã sử dụng đầy đủ linh hoạt cả Lực lẫn Tiêu điểm, đồng thời gợi mở mối liên hệ giữa năng lực vận dụng Thang độ và tư duy phản biện trong diễn ngôn học thuật.

Ở Việt Nam, Nguyễn Thị Linh Tú (2019) tiếp cận từ góc độ tổng quan lý thuyết, hệ thống hóa tình hình nghiên cứu và ứng dụng Lý thuyết Đánh giá trong bối cảnh ngôn ngữ học Trung Quốc, gợi mở khả năng mở rộng lý thuyết sang các ngữ cảnh ngôn ngữ - văn hóa khác nhau. Nguyễn Mộng Kỳ Duyên (2019) khảo sát Thang độ trong bình luận phim trực tuyến tiếng Anh ở cả hai bình diện cú pháp và ngữ nghĩa, xác nhận Lực được triển khai chủ yếu qua cường độ hóa chất lượng. Võ Nguyễn Thùy Trang (2020) phân tích Thái độ và Thang độ trong bình luận báo chí về Covid-19, chỉ ra lượng hóa tăng về con số chiếm tần số cao nhất trong ngữ liệu. Tiếp nối hướng này, Ngũ Thiện Hùng và Võ Nguyễn Thùy Trang (2021) khảo sát Thái độ và Thang độ trong diễn ngôn bình luận kinh tế tiếng Anh, cho thấy cường độ hóa và lượng hóa mạnh là những phương thức hiện thực hóa chủ đạo, phản ánh đặc trưng lập luận của ngôn ngữ báo chí học thuật. Ở góc độ dịch thuật, Đoàn Phan Anh Trúc (2022) phân tích sự hiện thực hóa cường độ hóa trong diễn ngôn văn học tiếng Anh và các chiến lược chuyển dịch sang tiếng Việt trên 2.121 mẫu. Tác giả xác định được ba nhóm hiện thực hóa và sáu chiến lược dịch thuật trong đó dịch sát nghĩa chiếm ưu thế.

Nhìn chung, mặc dù Thang độ đã được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, việc khảo sát chuyên sâu cơ chế hiện thực hóa Thang độ trong bình luận trực tuyến tiếng Việt về phim truyền hình vẫn còn là khoảng trống cần được bổ khuyết. Do đó, nghiên cứu hiện tại hướng đến việc làm rõ các phương thức biểu hiện, đặc điểm vận hành và vai trò của Thang độ trong việc kiến tạo ý nghĩa đánh giá của người viết bình luận trực tuyến tiếng Việt về phim truyền hình.

3. Cơ sở lý thuyết

3.1. Lý thuyết đánh giá và Khung đánh giá

Lý thuyết Đánh giá (Appraisal Theory) được phát triển trên nền tảng của Ngôn ngữ học chức năng hệ thống (Systemic Functional Linguistics - SFL) do M. A. K. Halliday khởi xướng. Nếu Ngôn ngữ học chức năng xem ngôn ngữ là một hệ thống tạo nghĩa gắn với bối cảnh xã hội và nhấn mạnh chức năng liên nhân trong giao tiếp, thì Lý thuyết Đánh giá tiếp tục mở rộng hướng tiếp cận này bằng việc tập trung khảo sát các nguồn lực ngôn ngữ dùng để biểu đạt thái độ, lập trường và sự thương lượng quan điểm giữa người bình luận với người tiếp nhận. Trên cơ sở đó, J. R. Martin và Peter R. R. White đã xây dựng hệ thống Đánh giá như một mô hình phân tích diễn ngôn nhằm làm rõ cách thức ngôn ngữ vận hành trong việc tạo lập giá trị đánh giá và định hướng phản ứng xã hội.

Trong Lí thuyết Đánh giá, hệ thống này được triển khai qua ba tiểu hệ thống chính gồm Thái độ (Attitude), Giọng điệu (Engagement) và Thang độ (Graduation). Thái độ là nguồn lực biểu đạt cảm xúc, đánh giá về con người và sự vật. Giọng điệu phản ánh cách người nói/ người viết định vị quan điểm của mình trong mối quan hệ với các quan điểm khác, qua đó thể hiện mức độ khẳng định, đối thoại hay tranh biện trong diễn ngôn. Trong khi đó, Thang độ giữ chức năng điều chỉnh cường độ và phạm vi của phát ngôn đánh giá thông qua các phương thức khuếch đại hoặc giảm nhẹ sắc thái ý nghĩa. Ba tiểu hệ thống này không tồn tại tách rời mà có mối quan hệ gắn kết chặt chẽ, cùng tham gia kiến tạo ý nghĩa liên nhân và thể hiện lập trường của chủ thể giao tiếp trong các thực hành diễn ngôn cụ thể.

3.2. Phạm trù Thang độ

Theo Martin và White (2005, tr.135), Thang độ là tiểu hệ thống liên nhân trong Lí thuyết Đánh giá, cho phép người nói/ viết điều chỉnh độ mạnh hoặc độ rõ ràng của các giá trị Thái độ, qua đó tạo ra các cấp độ cao hơn hoặc thấp hơn, mạnh hơn hoặc yếu hơn cho tính tích cực và tiêu cực của Cảm xúc, Phán xét và Thẩm định. Thang độ được phân chia thành hai tiểu hệ thống: Lực (Force) và Tiêu điểm (Focus).

Lực điều chỉnh cường độ hoặc khối lượng của các giá trị Thái độ, vận hành theo hai chiều đối lập: tăng (up-scale) và giảm (down-scale). Mỗi chiều bao gồm hai phương thức hiện thực hóa là cường độ hóa (intensification) và lượng hóa (quantification).

Cường độ hóa (intensification) tác động lên chất lượng (quality) hoặc quá trình (process). Cường độ hóa tăng nâng mức độ của một thuộc tính hoặc quá trình lên trên ngưỡng trung tính, được hiện thực hóa qua các trạng từ chỉ mức độ cao ("*rất*", "*cực kì*", "*vô cùng*", "*quá*", "*siêu*"), cấu trúc so sánh bậc nhất ("*hay nhất*", "*tệ nhất*") hoặc các từ mang nghĩa cường độ nội tại mạnh. Ngược lại, cường độ hóa giảm hạ mức độ xuống dưới ngưỡng trung tính, thông qua các yếu tố giảm nhẹ như "*khá*", "*hơi*", "*tương đối*".

Lượng hóa (quantification) tác động lên số lượng (number), khối lượng (mass) hoặc phạm vi (extent) của thực thể hay quá trình được đánh giá. Lượng hóa tăng được hiện thực hóa qua các từ ngữ chỉ số lượng lớn, phạm vi rộng ("*nhiều*", "*toàn bộ*", "*hàng triệu*", "*hàng trăm*", "*mãi*", "*suốt*"); lượng hóa giảm thể hiện qua các từ ngữ thu hẹp phạm vi hoặc số lượng ("*ít*", "*một chút*", "*hiếm khi*", "*đôi khi*").

Tiêu điểm là tiểu hệ thống thứ hai của Thang độ và nó vận hành không theo trục cường độ mà theo trục điển mẫu hóa - mức độ phù hợp của một thực thể với phạm trù ngữ nghĩa mà nó được quy chiếu vào. Tiêu điểm bao gồm hai giá trị đối lập: làm sắc nét (Sharpening) và làm mờ (Softening). Làm sắc nét xác định thực thể là điển hình đích thực, hoàn toàn tương thích với phạm trù được quy chiếu, thường được hiện thực hóa qua các yếu tố như "*thực sự*", "*đúng là*", "*chính là*", "*thật sự*". Ngược lại, làm mờ xác định thực thể là không hoàn toàn điển mẫu, chỉ tương thích một phần với phạm trù đó, thường được biểu đạt qua các cụm như "*hơi giống như*", "*kiểu như*", "*có vẻ như*", "*chắc là*".

3.3. Thể loại bình phim trực tuyến

Bình phim trực tuyến của khán giả là một dạng diễn ngôn đánh giá phổ biến trong môi trường truyền thông số, nơi người xem trực tiếp bày tỏ cảm nhận, quan điểm, thái độ thẩm mỹ và mức độ hài lòng đối với một tác phẩm điện ảnh trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook, YouTube, TikTok, IMDb, Letterboxd hoặc các diễn đàn điện ảnh khác. Khác với các bài phê bình chuyên môn vốn thường được viết dựa trên nền tảng tri thức điện ảnh, lí thuyết nghệ thuật và chuẩn mực báo chí, bình phim trực tuyến của khán giả mang tính đời thường rõ nét hơn. Người viết thường không bị ràng buộc bởi cấu trúc lập luận học thuật, quy chuẩn biên tập hay yêu cầu khách quan nghiêm ngặt, mà chủ yếu xuất phát từ trải nghiệm tiếp nhận cá nhân sau khi xem phim.

Tuy nhiên, không nên xem bình phim trực tuyến chỉ là những phản ứng cảm tính rời rạc. Xét từ bình diện thể loại, đây vẫn là một hình thức giao tiếp có những đặc điểm tương đối ổn định về mục đích, cấu trúc và phương thức biểu đạt. Trước hết, mục đích giao tiếp trung tâm của thể loại này là

đánh giá. Người viết thường đưa ra nhận định tích cực, tiêu cực hoặc trung tính về bộ phim, đồng thời lí giải mức độ yêu thích hay không hài lòng của mình thông qua các yếu tố như nội dung, kịch bản, diễn xuất, hình ảnh, âm thanh, nhịp phim, thông điệp, kĩ xảo hoặc cảm xúc mà bộ phim tạo ra. Bên cạnh chức năng đánh giá, bình phim trực tuyến còn có chức năng chia sẻ kinh nghiệm xem phim, định hướng lựa chọn cho người xem khác và tham gia vào quá trình kiến tạo dư luận về tác phẩm.

Một đặc trưng quan trọng khác của thể loại này là tính tương tác. Bình phim trực tuyến không tồn tại như một văn bản khép kín mà thường nằm trong chuỗi trao đổi gồm bình luận, phản hồi, tranh luận, lượt thích, chia sẻ và trích dẫn. Ý nghĩa của một lời bình vì vậy không chỉ được tạo ra bởi người viết ban đầu, mà còn tiếp tục được mở rộng, trao đổi hoặc phản biện thông qua phản ứng của cộng đồng mạng. Trong nhiều trường hợp, một nhận xét ngắn về bộ phim có thể kích hoạt các cuộc tranh luận rộng hơn về diễn xuất, đạo diễn, giá trị nghệ thuật, yếu tố thương mại, chuẩn mực đạo đức hoặc thị hiếu khán giả.

Từ góc độ nghiên cứu thể loại, bình phim trực tuyến vừa mang đặc điểm của diễn ngôn đánh giá, vừa mang đặc điểm của giao tiếp mạng xã hội; vừa có yếu tố phê bình điện ảnh, vừa có yếu tố tự sự cá nhân và tương tác cộng đồng. Chính tính lai ghép này khiến bình phim trực tuyến trở thành một đối tượng nghiên cứu đáng chú ý trong ngôn ngữ học diễn ngôn và truyền thông số. Qua các lời bình của khán giả, người đọc có thể nhận diện không chỉ thái độ đối với một bộ phim cụ thể, mà còn cả thị hiếu thẩm mỹ, chuẩn mực đánh giá và cách cộng đồng người xem kiến tạo ý nghĩa cho tác phẩm trong bối cảnh văn hóa số.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Ngữ liệu nghiên cứu

Phim *“Bóng ma hạnh phúc”* xoay quanh cuộc hôn nhân đầy biến động của cặp đôi Hoàng Dũng (Lương Thế Thành) và Thanh Mai (Lê Phương). Từ một gia đình tưởng chừng hạnh phúc, mọi thứ rạn nứt khi Hoàng Dũng vướng vào mối quan hệ ngoài luồng với Như Trang (Ngân Hòa). Khai thác đề tài hôn nhân, ngoại tình và “tiêu tam”, bộ phim đã tạo ra hàng loạt tình huống kịch tính khiến khán giả liên tục bình luận sôi nổi trên mạng xã hội.

Ngữ liệu nghiên cứu gồm 200 bình luận trực tuyến về phim truyền hình *“Bóng ma hạnh phúc”* được thu thập từ ba nguồn chính: trang YouTube chính thức của Truyền hình Vĩnh Long, fanpage Facebook của Đài Phát thanh - Truyền hình Vĩnh Long và các trang báo điện tử như Tuổi Trẻ, VnExpress, Kenh14. Bình luận được thu thập trong khoảng thời gian từ giữa tháng 3 đến ngày 15 tháng 5 năm 2026, bao phủ toàn bộ thời gian phát sóng của bộ phim (50 tập, từ ngày 15/3 đến 9/5/2026). Chúng tôi lựa chọn những bình luận có chứa biểu thức Thang độ rõ ràng, thể hiện thái độ đánh giá trực tiếp về nhân vật, diễn xuất, tình tiết hoặc toàn bộ bộ phim.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng phương pháp phân tích định tính kết hợp định lượng. Về định tính, chúng tôi áp dụng Khung đánh giá của Martin và White (2005) để nhận diện, mô tả và phân loại các biểu thức Thang độ theo tiêu phạm trù Lực và Tiêu điểm, chú trọng đặc điểm ngữ nghĩa và nhận diện từ vựng-ngữ pháp. Về định lượng, chúng tôi thống kê tần suất xuất hiện của từng loại Thang độ và tính tỉ lệ phần trăm để đánh giá xu hướng sử dụng những nguồn lực này. Mỗi biểu thức Thang độ được đặt trong ngữ cảnh cụ thể của bình luận để đảm bảo phân tích chính xác và đầy đủ nghĩa. Quy trình phân tích gồm bốn bước: (1) Thu thập và lưu trữ ngữ liệu; (2) Đọc toàn bộ bình luận để nhận diện các biểu thức Thang độ; (3) Mã hóa và phân loại theo khung lí thuyết; (4) Thống kê, phân tích kết quả và rút ra kết luận.

5. Kết quả nghiên cứu

5.1. Tổng quan tần số xuất hiện của Thang độ

Kết quả phân tích 200 bình luận trực tuyến về phim *Bóng ma hạnh phúc* cho thấy có tổng cộng 351 biểu thức Thang độ được nhận diện, trung bình 1,76 biểu thức mỗi bình luận. Sự phân bố giữa hai tiêu phạm trù trong các lời bình luận thể hiện sự chênh lệch đáng kể: Lực chiếm 88,9% (312/351

trường hợp) trong khi Tiêu điểm chỉ chiếm 11,1% (39/351 trường hợp). Bảng 1 dưới đây trình bày tổng quan phân bố tần số của các tiêu mục Thang độ.

Bảng 1. Phân bố tần số các giá trị Thang độ trong ngữ liệu

THANG ĐỘ		Tần số
Lực		312
Tăng (up-scale)	Tiểu loại	273
Cường độ hóa (<i>intensification</i>)	Chất lượng (<i>quality</i>)	98
	Quá trình (<i>process</i>)	52
Lượng hóa (<i>quantification</i>)	Con số (<i>number</i>)	76
	Khối lượng (<i>mass presence</i>)	11
	Phạm vi (<i>extent</i>)	36
Giảm (down-scale)	Tiểu loại	39
Cường độ hóa (<i>intensification</i>)	Chất lượng (<i>quality</i>)	21
	Quá trình (<i>process</i>)	0
Lượng hóa (<i>quantification</i>)	Con số (<i>number</i>)	15
	Khối lượng (<i>mass presence</i>)	0
	Phạm vi (<i>extent</i>)	3
Tiêu điểm		39
Tiêu điểm	Sắc nét (<i>Sharpening</i>)	28
	Làm mờ (<i>Softening</i>)	11
Tổng		351

Số liệu ở Bảng 1 cho ta thấy sự phân bố bất đối xứng rõ rệt giữa hai tiêu phạm trù. Lực chiếm ưu thế vượt trội 312/351 trường hợp trong khi Tiêu điểm chỉ ghi nhận 39/351 trường hợp. Điều này cho thấy khán giả chủ yếu vận dụng Thang độ như một phương tiện điều chỉnh cường độ của đánh giá hơn là điều chỉnh độ sắc nét phạm trù. Sự chênh lệch này phản ánh đặc trưng thể loại của bình luận phi chính thức vì điều chỉnh cường độ là thao tác tự nhiên, trực giác và phổ biến trong giao tiếp hằng ngày, trong khi điều chỉnh độ sắc nét phạm trù đòi hỏi mức độ kiểm soát ngôn ngữ cao hơn và thường xuất hiện nhiều hơn trong văn bản phê bình chuyên nghiệp (Martin & White, 2005, tr.135-137).

Trong tổng số 351 biểu thức Thang độ được ghi nhận trong ngữ liệu, phạm trù Lực chiếm ưu thế rõ rệt với 312 trường hợp, tương đương 88,9%, trong khi Tiêu điểm chỉ xuất hiện 39 trường hợp, chiếm 11,1%. Phân bố này cho thấy người bình luận có xu hướng sử dụng các nguồn lực khuếch đại hoặc giảm nhẹ mức độ đánh giá nhiều hơn so với các nguồn lực điều chỉnh ranh giới phạm trù. Nói cách khác, Thang độ trong ngữ liệu chủ yếu được hiện thực hóa thông qua việc tăng/ giảm cường độ và lượng hóa, thay vì làm sắc nét hay làm mờ phạm vi phân loại.

Trong phạm trù Lực, chiều hướng Tăng chiếm ưu thế áp đảo với 273/312 trường hợp, tương đương 87,5%, trong khi chiều hướng Giảm chỉ có 39/312 trường hợp, tương đương 12,5%. Kết quả này cho thấy diễn ngôn bình luận có khuynh hướng khuếch đại đánh giá hơn là tiết chế hay giảm nhẹ đánh giá. Đây là đặc điểm phù hợp với tính chất biểu cảm cao và mức độ cam kết lập trường mạnh của thể loại bình luận, nơi người viết/ người nói thường nhấn mạnh thái độ, cảm xúc và mức độ đánh giá của mình đối với đối tượng được bàn luận.

Ở chiều Tăng, Cường độ hóa là cơ chế nổi bật hơn, với 150/273 trường hợp, chiếm 54,9% trong tổng số biểu thức Tăng. Trong nhóm này, tiểu loại Chất lượng đạt tần số cao nhất với 98 trường hợp, tương đương 35,9% trong nhóm Tăng và 27,9% trên toàn bộ ngữ liệu. Điều này cho thấy người bình luận thường khuếch đại các thuộc tính thẩm mỹ, cảm xúc hoặc phẩm chất của đối tượng đánh giá. Tiểu loại Quá trình cũng xuất hiện đáng kể với 52 trường hợp, chiếm 19,0% trong nhóm Tăng và 14,8% trên toàn bộ ngữ liệu, cho thấy sự khuếch đại còn được thực hiện thông qua mức độ, tiến trình hoặc cường độ của hành động/ sự việc.

Bên cạnh đó, Lượng hóa trong chiều Tăng ghi nhận 123/273 trường hợp, tương đương 45,1%. Trong nhóm này, Con số có tần số cao nhất với 76 trường hợp, chiếm 27,8% trong nhóm Tăng và 21,7% trên toàn bộ ngữ liệu. 36 nguồn lực ngôn ngữ chỉ Phạm vi chiếm 13,2% trong nhóm Tăng và 10,3% trên toàn bộ ngữ liệu; nguồn lực Khối lượng xuất hiện ít hơn chỉ với 11 trường hợp, tương đương 4,0% trong nhóm Tăng và 3,1% trên toàn bộ ngữ liệu. Các số liệu này cho thấy người bình luận không chỉ khuếch đại phẩm chất hay quá trình mà còn mở rộng phạm vi, số lượng và mức độ bao quát của đánh giá nhằm tăng sức thuyết phục cho nhận định.

Ở chiều Giảm, tổng số trường hợp chỉ là 39, tương đương 12,5% trong phạm trù Lực và 11,1% trên toàn bộ Thang độ. Trong nhóm này, Cường độ hóa có 21/39 trường hợp, chiếm 53,8%, toàn bộ đều thuộc tiểu loại Chất lượng. Lượng hóa có 18/39 trường hợp, chiếm 46,2%, trong đó Con số xuất hiện 15 trường hợp, tương đương 38,5% còn Phạm vi có 3 trường hợp, tương đương 7,7%. Hai tiểu loại Quá trình và Khối lượng không ghi nhận trường hợp nào trong chiều Giảm. Kết quả này cho thấy các chiến lược giảm nhẹ được sử dụng với tần suất thấp, đồng thời phạm vi phân bố tiểu loại cũng hẹp hơn đáng kể so với chiều Tăng.

Đối với phạm trù Tiêu điểm, trong tổng số 39 trường hợp được ghi nhận, Sắc nét chiếm đa số với 28 trường hợp, tương đương 71,8%, trong khi Làm mờ chỉ xuất hiện 11 trường hợp, chiếm 28,2%. Tính trên toàn bộ ngữ liệu Thang độ, Sắc nét chiếm 8,0% còn Làm mờ chiếm 3,1%. Kết quả này phản ánh xu hướng người bình luận ưu tiên làm rõ, xác định và nhấn mạnh tính điển hình của đối tượng đánh giá hơn là làm mờ ranh giới phạm trù hay giảm mức độ xác quyết.

Nhìn chung, kết quả định lượng cho thấy hai xu hướng nổi bật trong ngữ liệu. Thứ nhất, phạm trù Lực giữ vai trò trung tâm trong hệ thống Thang độ, vượt xa phạm trù Tiêu điểm. Thứ hai, trong phạm trù Lực, chiều Tăng áp đảo chiều Giảm, cho thấy diễn ngôn bình luận có xu hướng khuếch đại đánh giá, nhấn mạnh mức độ và củng cố lập trường hơn là giảm nhẹ hay làm dịu phát ngôn. Điều này góp phần làm nổi bật tính biểu cảm, tính đánh giá và mức độ cam kết cao của người bình luận trong ngữ liệu.

5.2. Lực

5.2.1. Cường độ hóa tăng của chất lượng

Trong số các phương thức hiện thực hóa Lực tăng, cường độ hóa chất lượng được ghi nhận như một xu hướng nổi bật nhất trong ngữ liệu với 98/237 trường hợp chiếm 35,9% tổng số biểu thức Lực tăng. Về bản chất, cường độ hóa chất lượng tăng phản ánh việc người bình luận nâng mức độ biểu cảm của một tính chất hoặc đặc điểm vượt lên trên ngưỡng trung tính mặc định - tức là không dừng lại ở việc gọi tên thuộc tính, mà còn định vị thuộc tính đó ở một điểm cao hơn trên thang giá trị. Điều này hoàn toàn phù hợp với đặc trưng thể loại của bình luận trực tuyến là người viết không hướng đến sự trung lập mà chủ động khuếch đại cảm xúc và thái độ nhằm tạo sức thuyết phục hoặc chia sẻ trải nghiệm cảm thụ cá nhân một cách mạnh mẽ nhất có thể. Nhóm này chủ yếu được hiện thực hóa qua các trạng từ chỉ mức độ cao như “rất”, “quá”, “cực kì”, “vô cùng”, “siêu”, “thật sự”, “thiệt sự”, “hết sức”. Các yếu tố này thường giữ vị trí tiền bổ ngữ của tính từ hoặc phó từ nhằm tăng cường sắc thái đánh giá. Ngoài ra, cường độ hóa còn được thể hiện qua cấu trúc so sánh bậc hơn và bậc nhất, dùng để thiết lập thang độ tăng tiến hoặc đặt đối tượng đánh giá ở mức cao nhất trên trục giá trị. Bên cạnh đó, ngữ liệu cũng ghi nhận sự xuất hiện của các thành phần cực tính và các danh từ, tính từ mang nghĩa cường độ nội tại mạnh.

Chúng ta hãy cùng xét các ví dụ sau:

(1) “[**Vô cùng**] bức xúc khi thấy ông Dũng vẫn cứ bảo vệ con Trang dù đã biết hết sự thật rồi. CEO gì mà nỡ bằng cái đầu gối.” (Facebook THVL, tháng 4/2026)

(2) “Diễn [**hay**] [**đến mức không thể tả**], nhất là cảnh Thanh Mai đối chất với tiểu tam.” (YouTube THVL, tháng 4/2026)

(3) “Vai diễn Dũng [**tệ thật sự**], không có một điểm nào để bênh được.” (Kênh14, tháng 4/2026)

(4) “Coi mà [**tức quá trời**], diễn viên đóng Dũng [**ghét thật sự**] luôn.” (YouTube THVL, tháng 4/2026)

Ở ví dụ (1), trạng từ “*vô cùng*” đứng ở vị trí tiền bổ ngữ trong ngữ tính từ, tạo thành cấu trúc [Trạng từ mức độ + Tính từ biểu cảm]. Đây là một cấu trúc tiền bổ nghĩa điển hình của cường độ hóa chất lượng trong tiếng Việt. Cụm “*Vô cùng*” vốn mang nghĩa không có giới hạn, khi kết hợp với “*bức xúc*” đẩy trạng thái cảm xúc của chủ thể lên ngưỡng cực điểm trên thang biểu cảm. Tiếp đó, cách so sánh đặc thù mang màu sắc khẩu ngữ “*nào bằng cái đầu gối*” là một hình ảnh ẩn dụ phù định năng lực nhân vật ở mức độ mĩa mai cao - đây là dạng cường độ hóa ngầm thông qua so sánh miệt thị, không cần trạng từ bổ trợ mà vẫn tạo thang độ mạnh. Ở ví dụ (2), cấu trúc “*đến mức không thể tả*” là cụm hậu bổ ngữ hoạt động như bộ phận cực tính hóa. Thay vì dùng một trạng từ đơn lẻ, người viết dùng một mệnh đề phụ chỉ mức độ đề đạt chất lượng được đánh giá vượt ra ngoài khả năng diễn đạt của ngôn ngữ. Ở ví dụ (3), “*thật sự*” đứng sau tính từ “*tệ*” nhưng vẫn trong phạm vi ngữ tính từ, thực hiện chức năng xác nhận cường độ: không chỉ tệ mà xác thực là rất tệ. Cụm từ “*quá trời*” trong ví dụ (4) là một dạng cường độ hóa cực tính đặc trưng vùng Nam Bộ, trong đó “*trời*” đóng vai trò thực thể tham chiếu vô hạn, tạo thang độ không có điểm trần. Ở ví dụ này người bình luận sử dụng liên tiếp ba lớp cường độ hóa chất lượng: trạng từ “*quá*” kết hợp với cụm từ khẩu ngữ “*quá trời*”, tiếp theo là phó từ “*thật sự*” khẳng định tính xác thực cảm xúc, và sau cùng là cụm “*ghét không để đầu cho hết*” - một thành ngữ dân gian biểu thị sự ghét bỏ ở ngưỡng tuyệt đối. Sự chồng lớp này tạo ra hiệu ứng khuếch đại liên tiếp và đây chính là nét đặc trưng của diễn ngôn bình luận số.

Từ những phân tích trên ta có thể thấy các phương tiện Thang độ trong bốn ví dụ không chỉ đảm nhiệm chức năng tăng cường mức độ biểu cảm hay đánh giá mà còn trực tiếp tham gia xác lập quan hệ giữa chủ thể đánh giá, đối tượng được đánh giá và giá trị nghĩa được kiến tạo trong phát ngôn. Mỗi biểu thức Thang độ đều gắn với một nguồn lực ngôn ngữ cụ thể, hướng đến một bị thể đánh giá nhất định và tạo ra sắc thái nghĩa tích cực hoặc tiêu cực tương ứng.

5.2.2. Cường độ hóa tăng của quá trình

Bên cạnh cường độ hóa chất lượng, người bình luận còn sử dụng cường độ hóa quá trình để nâng cường độ của động từ hoặc toàn bộ nội dung được đánh giá. Nhóm này có 52/237 trường hợp (19.0%) trong ngữ liệu được nhận diện qua trạng từ bổ nghĩa cho động từ, cấu trúc tăng tiến *càng...càng* và cụm so sánh cực tính cho quá trình. Các ví dụ sau thể hiện rất rõ nội dung này:

(5) “[*Càng xem càng*] thấy tức, ức chế [*đến mức không thể tả được nữa*].” (Facebook THVL, tháng 4/2026)

(6) “*Ghét [đến tận xương tủy] cái nhân vật Dừng này, xem mà [sôi máu] không tả được.*” (YouTube THVL, tháng 4/2026)

(7) “*Tập cuối phim đã [khóc hết nước mắt], cảm ơn đạo diễn cho một bộ phim ý nghĩa.*” (YouTube THVL, tháng 5/2026)

(8) “*Dừng tham lam [quá], muốn chiếm tài sản hết, từ đầu phim đến cuối phim mà [không thay đổi gì].*” (Kenh14, tháng 4/2026)

Ở ví dụ (5), cấu trúc “*càng ... càng*” là một phương tiện cường độ hóa quá trình đặc thù tiếng Việt theo cấu trúc [“*càng*” + Động từ/ Tính từ + “*càng*” + Động từ/ Tính từ] để thể hiện mối quan hệ tỉ lệ thuận tăng tiến giữa hai quá trình, trong đó cường độ không cố định mà leo thang liên tục. Sắc thái tăng tiến này được củng cố thêm bởi cụm “*đến mức không thể tả được nữa*” là mệnh đề cực tính hóa bổ sung một nấc thang nữa lên cường độ vốn đã cao. Trong câu (6), “*đến tận xương tủy*” là thành ngữ ẩn dụ cơ thể học được dùng để diễn đạt sự ghét bỏ thâm đến lớp xương tủy - phần sâu nhất, cốt lõi nhất của cơ thể - tức là đã lan khắp hoàn toàn, không còn phần nào chưa bị ảnh hưởng. “*Sôi máu*” tiếp tục dùng như ẩn dụ sinh lí học khác là dấu hiệu của cảm xúc dâng trào đến mức mất kiểm soát. Cả hai thành ngữ đều là phương tiện cường độ hóa quá trình tự thân mang cường độ cực điểm mà không cần thêm trạng từ bổ trợ. Trong phát ngôn (7), “*khóc hết nước mắt*” là cấu trúc [Động từ + hết + Danh từ bổ thể] và từ “*hết*” xác nhận quá trình đã đạt đến điểm cạn kiệt hoàn toàn về mặt vật chất sinh lí, tức là quá trình cảm xúc đã lên đến ngưỡng tuyệt đối. Đối với câu (8), “*quá*” là trạng từ bổ nghĩa trực tiếp cho tính từ quá trình “*tham lam*”; trong khi “*không thay đổi gì*” là cụm

phủ định toàn thể bổ sung thang độ lượng hóa - không có bất kì thay đổi nào dù nhỏ nhất, đặt quá trình ở mức bằng không trên thang biến đổi.

Các ví dụ (5) - (8) cho ta thấy rằng các phương tiện Thang độ trong bình luận trực tuyến không chỉ làm gia tăng cường độ cảm xúc và mức độ đánh giá, mà còn cho thấy sự đa dạng của các kiểu cường độ hóa trong tiếng Việt. Người bình luận có xu hướng kết hợp linh hoạt giữa cấu trúc tăng tiến, thành ngữ bộ phận cơ thể, biểu thức cực điểm và các yếu tố lượng hóa để đẩy mức độ biểu cảm lên ngưỡng tối đa. Qua đó, Thang độ không chỉ thực hiện chức năng nhấn mạnh ý nghĩa đánh giá mà còn góp phần tạo nên tính khẩu ngữ, tính cảm xúc và sức tác động đặc trưng của diễn ngôn bình luận phim trên môi trường số.

5.2.3. Cường độ hóa giảm

Trong ngữ liệu nghiên cứu, nguồn lực ngôn ngữ thuộc nhóm cường độ hóa giảm xuất hiện với tần suất thấp, gồm 21 trường hợp, chiếm 53,8% trong tổng số biểu thức Lực giảm và tương ứng với 6,0% trên toàn bộ hệ thống Thang độ. Nhóm này chủ yếu xuất hiện trong các bình luận mang thái độ chùng mực, thể hiện sự khen ngợi có phần dè dặt, sự đồng cảm thận trọng hoặc phê phán nhẹ nhàng. Các phương tiện nhận diện tiêu biểu gồm trạng từ giảm nhẹ như “khá”, “hơi”, “tương đối”, “cũng được” và các cấu trúc nhượng bộ. Tỷ lệ thấp của cường độ hóa giảm phản ánh đặc điểm giao tiếp của bình luận trực tuyến. Trong không gian số mang tính ân danh, người bình luận thường có xu hướng biểu đạt cảm xúc trực tiếp hơn, ít cần đến các phương tiện làm dịu hoặc giảm nhẹ đánh giá. Vì vậy, cường độ hóa giảm không phải là chiến lược nổi bật, mà chủ yếu được sử dụng khi người viết muốn duy trì sắc thái đánh giá thận trọng, tránh khẳng định tuyệt đối hoặc giảm mức độ gay gắt của phát ngôn.

Xét ví dụ:

(9) “**Kết [cũng]** nhẹ nhàng, hợp lí, không làm người xem thất vọng, có điều Như Trang đi tù 2 năm [hơi] ít nha.” (VnExpress, tháng 5/2026)

(10) “**Phim [khá]** hay, tuy nhiên còn một số tình tiết [hơi] cường điệu, xem [cũng được] nhưng chưa phải xuất sắc.” (YouTube THVL, tháng 4/2026)

(11) “**Cái kết [tương đối]** thuyết phục, dù không phải là hoàn hảo nhất nhưng [cũng] ổn.” (VnExpress, tháng 5/2026)

Trong phát ngôn (9), “cũng” đứng trước “nhẹ nhàng” thực hiện chức năng hạ thang là đánh giá đạt đến mức trung bình chứ không nổi bật, không vượt trội; “hơi” trước “ít” làm giảm nhẹ mức độ phê phán khi người viết nhận thấy bất cập nhưng không đẩy thành phán xét gay gắt. Cả hai trạng từ giảm nhẹ xuất hiện trong cùng một bình luận, phản ánh chiến lược đánh giá cân bằng hai chiều. Cấu trúc này phản ánh một chiến lược lịch sự ngôn ngữ khi người viết muốn phê phán nhưng vẫn duy trì thái độ ôn hòa. Ở ví dụ (10), “khá” trước “hay” tạo ra mức độ đánh giá trung bình-tích cực vì phân cảnh không thực sự xuất sắc nhưng vẫn đáng xem. “Hơi” trước “cường điệu” là cường độ hóa giảm của một đánh giá tiêu cực nhằm chỉ rằng vấn đề có tồn tại nhưng ở mức nhẹ, chưa đến mức đáng lo ngại. “Cũng được” là cụm đánh giá đặc thù tiếng Việt mang nghĩa chấp nhận được ở mức tối thiểu, hoạt động như một yếu tố hạ thang toàn cụm. Với ví dụ (11), “tương đối” là trạng từ hạ thang chính thức hơn, gần gũi với văn viết; kết hợp với “cũng” ở cuối tạo ra hai lớp hạ thang bao bọc đánh giá, khiến toàn bộ bình luận có giọng điệu dè dặt, không khẳng định tuyệt đối.

Khác với nhóm biểu thức cường độ hóa tăng, các ví dụ (9), (10) và (11) cho thấy Thang độ còn được sử dụng như một chiến lược điều tiết đánh giá. Các yếu tố như “cũng”, “hơi”, “khá”, “tương đối” không đẩy phát ngôn đến cực điểm cảm xúc, mà tạo ra khoảng trung gian giữa khen và chê, giữa chấp nhận và thận trọng. Nhờ đó, lời bình giữ được sắc thái cân bằng bởi người viết vẫn bộc lộ lập trường đánh giá nhưng tránh tuyệt đối hóa nhận định.

5.2.4. Lượng hóa tăng về số lượng và sự phân bố

Bên cạnh cường độ hóa, lượng hóa là phương thức thứ hai để người bình luận gia tăng mức độ đánh giá trên trục Lực. Khác với cường độ hóa khi nó tác động trực tiếp lên thuộc tính chất lượng hay quá trình, lượng hóa tăng mở rộng đánh giá theo chiều kích số lượng, khối lượng và phạm vi, qua đó

tạo hiệu ứng nhấn mạnh thông qua sự tích lũy và mở rộng chứ không phải khuếch đại cường độ. Trong ngữ liệu khảo sát, lượng hóa tăng ghi nhận 123 trường hợp, chiếm 45,1% tổng số biểu thức Lực tăng; xét trên toàn bộ hệ thống Thang độ, nhóm này tương ứng với 35,0%. Đây là phương thức phổ biến thứ hai sau cường độ hóa tăng và được hiện thực hóa qua ba dạng chính: lượng hóa con số, lượng hóa phạm vi và lượng hóa khối lượng. Thứ nhất, lượng hóa con số sử dụng các con số cụ thể hoặc các từ ngữ chỉ số lượng lớn, nhiều, nhằm khuếch đại mức độ đánh giá. Thứ hai, lượng hóa phạm vi mở rộng đối tượng đánh giá theo chiều không gian hoặc thời gian. Thứ ba, lượng hóa khối lượng được thể hiện qua các từ ngữ chỉ tính toàn thể, toàn phần hoặc mức độ bao quát cao. Nhìn chung, các phương tiện này làm gia tăng quy mô, phạm vi hoặc sức nặng của đánh giá, qua đó góp phần đẩy phát ngôn lên mức độ biểu cảm cao hơn.

Xét ví dụ sau:

(12) “[**Hàng trăm nghìn**] bình luận mà [**bình luận nào cũng**] chỉ chửi ông Dũng, đủ biết nhân vật này đáng ghét thế nào.” (YouTube THVL, tháng 4/2026)

(13) “[**Cả 50 tập**] không bỏ tập nào, [**tất cả**] các diễn viên đều nhập vai hoàn toàn.” (Facebook THVL, tháng 5/2026)

(14) “[**Hàng triệu**] khán giả đang chờ cái kết xứng đáng, [**ai cũng**] xứng đáng được xem một cái kết có hậu hơn.” (Facebook THVL, tháng 5/2026)

(15) “Phim có [**không biết bao nhiêu**] tình tiết gây ức chế nhưng [**vẫn**] không bỏ được.” (Kenh14, tháng 4/2026)

Trong phát ngôn (12), “*hàng trăm nghìn*” là lượng từ số lớn mơ hồ theo phương thức định lượng không chính xác vì người bình không đưa ra con số tuyệt đối mà chỉ gọi lên một số lượng khổng lồ. Tiếp đó, “*bình luận nào cũng*” là cấu trúc lượng hóa phân bố toàn thể theo khuôn [Danh từ + *nào* + *cũng*], đảm bảo không có ngoại lệ trong tập hợp. Hai yếu tố phối hợp xây dựng lập luận: số lượng người bình luận cực lớn và đánh giá đồng thuận tuyệt đối tạo ra hình ảnh sự đồng thuận tuyệt đối của cộng đồng mạng. Với trường hợp (13), “*cả 50 tập*” kết hợp định tổ toàn thể “*cả*” với con số cụ thể “*50 tập*”, tạo lượng hóa chính xác là toàn thể kép. Tiếp theo “*tất cả*” tiếp tục được dùng để lượng hóa toàn thể cho đối tượng mới (diễn viên), tạo mô hình song song bao phủ cả chiều thời gian lẫn chiều nhân vật. Ở ví dụ (14), cụm “*hàng triệu*” nâng số lượng lên một bậc so với “*hàng trăm nghìn*” ở ví dụ (12); “*ai cũng*” là dạng lượng hóa phân bố toàn thể với đại từ phiếm chỉ, bao trùm toàn bộ tập hợp người xem không có ngoại lệ. Trong câu (15), “*không biết bao nhiêu*” là cụm lượng từ mơ hồ cực lớn có cú pháp đặc biệt vì trên phương diện hình thức thì nó là mệnh đề phủ định nhưng xét về ngữ nghĩa thì nó thực hiện lượng hóa tăng vô hạn. Đây là chiến lược lượng hóa phi tường minh đặc trưng tiếng Việt khẩu ngữ, dùng sự không xác định như một tu từ để gọi số lượng vô tận.

Ở nhóm ví dụ này, Thang độ không còn vận hành chủ yếu theo hướng tăng/ giảm cường độ cảm xúc, mà chuyển sang mở rộng quy mô và phạm vi đánh giá. Các biểu thức như “*hàng trăm nghìn*”, “*cả 50 tập*”, “*tất cả*”, “*hàng triệu*”, “*ai cũng*”, “*không biết bao nhiêu*” tạo ra hiệu ứng lượng hóa, qua đó làm cho nhận định của người bình luận vượt khỏi trải nghiệm cá nhân để mang đáng đáp của một đánh giá có tính cộng đồng, toàn thể hoặc phổ quát.

5.2.5. Lượng hóa tăng về phạm vi không gian và thời gian

Trong nhóm lượng hóa tăng, lượng hóa phạm vi được ghi nhận với 36 trường hợp, chiếm 29,3% tổng số biểu thức lượng hóa tăng; xét trong toàn bộ Lực tăng, nhóm này tương ứng với 13,2%, và trên toàn bộ hệ thống Thang độ là 10,3%. Bên cạnh lượng hóa con số và lượng hóa khối lượng, Thang độ trong bình luận trực tuyến còn được hiện thực hóa thông qua việc mở rộng phạm vi không gian và thời gian của đối tượng được đánh giá. Các biểu thức phạm vi như “*từ Bắc vô Nam*”, “*từ đầu phim đến cuối phim*”, “*từ trước đến nay*”, “*suốt 50 tập*”... không nhằm nhấn mạnh mức độ cảm xúc trực tiếp, mà tạo hiệu ứng bao quát, liên tục hoặc kéo dài của sự việc. Qua đó, người bình luận nâng phát ngôn từ một cảm nhận cá nhân thành nhận định có tính phổ quát, toàn diện hoặc tuyệt đối hóa trong trải nghiệm khi tiếp nhận phim. Sau đây là những ví dụ về lượng hóa theo phạm vi:

(16) “*Bộ phim sóng gió mạng xã hội và nhiều hộ gia đình bữa giờ, [từ Bắc vô Nam] [ai cũng] xem.*” (VietBao, tháng 5/2026)

(17) “*Dừng tham lam quá, [từ đầu phim đến cuối phim] mà không thay đổi được một chút nào.*” (Kenh14, tháng 4/2026)

(18) “*Ngân Hòa là bé ba bị ghét nhất màn ảnh Việt [từ trước đến nay] - không ai tranh được cái danh hiệu đó.*” (Facebook THVL, tháng 4/2026)

(19) “*[Suốt] 50 tập phim, nhân vật Mai chỉ biết nhẫn nhịn - xem mà tức thay cho nhân vật.*” (YouTube THVL, tháng 4/2026)

Trong phát ngôn (16), “*từ Bắc vô Nam*” là cụm phạm vi không gian bao phủ toàn lãnh thổ Việt Nam theo cấu trúc [từ + Điểm đầu + vô/ đến + Điểm đích], lượng hóa đánh giá bằng cách mở rộng phạm vi địa lý đến mức tối đa có thể. Kết hợp với “*ai cũng*” (phân bố toàn thể người xem), câu bình luận đạt mức lượng hóa kép không gian và đối tượng. Ở ví dụ (17), “*từ đầu phim đến cuối phim*” là cụm phạm vi thời gian có cấu trúc tương tự, nhưng được triển khai theo trục thời gian của tự sự. Cụm này lượng hóa sự trải dài trong toàn bộ thời lượng 50 tập phim, qua đó xác nhận tính chất được đánh giá “*tham lam*” không có điểm khác biệt nào. Đến phát ngôn (18), “*từ trước đến nay*” mở rộng phạm vi thời gian ra ngoài ranh giới của bộ phim, bao trùm toàn bộ lịch sử điện ảnh truyền hình Việt Nam. Khi kết hợp với cấu trúc so sánh nhất “*ghét nhất màn ảnh Việt*”, phạm vi thời gian vô hạn này biên đánh giá thành một mệnh đề lịch sử có tính tuyệt đối. Trong trường hợp (19), “*suốt*” là phó từ chỉ phạm vi thời gian liên tục không gián đoạn, kết hợp với con số cụ thể “*50 tập*” tạo ra lượng hóa thời gian vừa toàn thể vừa chính xác.

Nhìn chung, các phương tiện lượng hóa phạm vi trong những ví dụ trên cho thấy người bình luận thường mở rộng biên độ đánh giá theo cả chiều không gian lẫn thời gian nhằm gia tăng sức khái quát và độ xác quyết cho phát ngôn. Những biểu thức này không chỉ xác lập phạm vi tác động của sự việc được nói đến mà còn góp phần tạo cảm giác phổ biến, liên tục hoặc toàn diện cho nhận định.

5.2.6. Lượng hóa giảm

Ở chiều ngược lại, lượng hóa giảm được sử dụng để thu hẹp phạm vi đánh giá, làm nhẹ mức độ khẳng định hoặc giới hạn tác động của yếu tố được nêu. Các biểu thức như “*chỉ một vài*”, “*không đáng kể*”, “*ít*”, “*hiếm hoi*”, “*hơi ít*”, “*chỉ vậy thôi*” cho thấy người bình luận không phủ nhận hoàn toàn vấn đề, nhưng đặt nó trong một phạm vi nhỏ, mức độ thấp hoặc dưới ngưỡng đáng kể. Nhờ đó, phát ngôn vừa giữ được sắc thái phê bình, vừa tránh cực đoan hóa nhận định. Lượng hóa giảm ghi nhận 18/39 trường hợp, chiếm 46,2% trong tổng số biểu thức Lực giảm; nguồn lực ngôn ngữ của tiểu mục này xuất hiện chủ yếu trong những bình luận phê phán có chừng mực hoặc thừa nhận hạn chế một phần. Xét các ví dụ sau:

(20) “*Phim hay nhưng [chỉ một vài] tình tiết hơi lặp lại, [không đáng kể] lắm.*” (YouTube THVL, tháng 4/2026)

(21) “*[Ít] bình luận tích cực về ông Dũng thật, [hiếm hoi] lắm mới thấy ai bênh.*” (Facebook THVL, tháng 5/2026)

(22) “*[Có điều] Như Trang đi tù 2 năm [hơi] ít, [chỉ] vậy thôi là điểm trừ duy nhất của phim.*” (VnExpress, tháng 5/2026)

Ở ví dụ (20), “*chỉ một vài*” là lượng từ giảm con số theo cấu trúc [chỉ + Số từ ít + Danh từ]: “*chỉ*” có chức năng khu trú, thu hẹp phạm vi vấn đề; “*một vài*” là số từ mơ hồ mang nghĩa rất nhỏ. Cả hai kết hợp tạo ra hiệu ứng tách biệt rằng phần lớn nội dung phim là tốt, phần nhỏ là có những điều vẫn cần cải thiện. “*Không đáng kể*” bổ sung lượng hóa giảm thứ hai vì vấn đề tồn tại nhưng dưới ngưỡng đáng quan tâm. Trong trường hợp (21), “*ít*” và “*hiếm hoi*” cùng xuất hiện trong một bình luận ngắn để lượng hóa giảm số lượng bình luận tích cực. Việc đặt hai từ đồng nghĩa cạnh nhau tạo nên hiện tượng nhấn mạnh kép, trong đó các yếu tố mang sắc thái giảm nhẹ lại được huy động nhằm tăng cường hiệu lực biểu đạt về sự ít ỏi. Cách tổ chức này cho thấy một nghịch lý tu từ đáng chú ý, bởi phương tiện giảm nhẹ không làm suy yếu ý nghĩa đánh giá mà ngược lại góp phần củng cố cường độ của nó. Trong câu (22), “*hơi ít*” là lượng hóa giảm của một đánh giá tiêu cực vì hình phạt thấp hơn

kỳ vọng nhưng người viết không muốn phê phán quá mạnh. “*Chỉ vậy thôi*” là cụm khu trú toàn bộ phần tiêu cực vào một điểm duy nhất, đồng thời gián tiếp khẳng định phần còn lại của phim là tốt.

Các ví dụ trên cho thấy lượng hóa giảm thường gắn với những đánh giá có tính dè dặt, thừa nhận hạn chế ở mức tối thiểu hoặc giảm nhẹ sức nặng của một điểm trừ. Những phương tiện này giúp người bình luận điều chỉnh biên độ đánh giá theo hướng thu hẹp, qua đó tạo lập sắc thái nhận xét cân bằng hơn.

5.3. Tiêu điểm

5.3.1. Làm sắc nét

Bên cạnh các phương thức cường độ hóa và lượng hóa, người bình luận còn sử dụng Tiêu điểm theo hướng làm sắc nét để xác lập ranh giới điển hình của đối tượng được đánh giá. Các biểu thức như “*đúng*”, “*đích thị*”, “*chính là*”, “*thật sự*”, “*đúng là*”... có chức năng nhấn mạnh tính xác thực, tính điển hình hoặc mức độ phù hợp tuyệt đối giữa đối tượng và đặc tính được gán cho nó. Thông qua đó, phát ngôn không chỉ thể hiện thái độ đánh giá mà còn gia tăng mức độ xác quyết và tính khẳng định của lập trường người viết. Tiêu điểm làm sắc nét (28/39 trường hợp, 71,8%) được người bình luận sử dụng để khẳng định đánh giá của mình là điển mẫu, không thể phủ nhận. Các phương tiện nhận diện chủ yếu gồm “*thật sự là*”, “*đích thị là*”, “*chính là*”, “*đúng là*”, “*100%*”. Xét ví dụ sau:

(23) “*Anh Dũng tình rồi hả anh ơi. [Đúng] trùm cuối luôn.*” (Tuổi Trẻ, tháng 5/2026)

(24) “*[Đây đích thị là] phản diện hoàn toàn - không có tí tình người nào hết.*” (Kênh 14, tháng 4/2026)

(25) “*Đây [chính là] vai diễn Lương Thế Thành bước ra khỏi vùng an toàn, hot [thật sự].*” (Facebook THVL, tháng 5/2026)

(26) “*[Đúng là] phim gây nghiện kiểu kì lạ nhất – vừa xem vừa chửi mà không bỏ được.*” (Facebook THVL, tháng 4/2026)

Ở ví dụ (23), “*đúng*” đứng trước danh từ “*trùm cuối*” có chức năng xác nhận điển mẫu rằng nhân vật Dũng không chỉ là một hình ảnh phản diện thông thường mà là hiện thân điển hình nhất của kiểu “*ông trùm xuất hiện ở chuỗi cuối*”. Tiểu từ “*luôn*” trong khẩu ngữ Nam Bộ đóng vai trò củng cố thêm tính xác nhận điển mẫu này. Câu (24) có cụm từ “*đích thị là*” và cụm từ này thường mạnh hơn từ “*là*” thông thường với hàm nghĩa không thể nhầm lẫn, không có khả năng nào khác nhằm đặt nhân vật chắc chắn vào loại phản diện điển hình nhất. Ở ví dụ (25), “*chính là*” xác định danh tính chân thực, phân biệt với các nhãn dán khác có thể có. “*Thật sự*” đứng sau “*hot*” kết hợp chức năng xác nhận điển mẫu với cường độ hóa, tạo ra Thang độ kép là không chỉ “*hot*” mà thật sự “*hot*”. Ở ví dụ (26), “*đúng là*” là cụm khẳng định điển mẫu hóa phổ biến nhất trong ngữ liệu, xuất hiện 14 lần. Cấu trúc [đúng là + Ngữ đoạn đánh giá] không đơn giản là khẳng định mà là xác nhận rằng đối tượng phù hợp điển mẫu với đặc tính được nêu, bác bỏ mọi hoài nghi có thể xảy ra.

Nhìn chung, các phương tiện làm sắc nét Tiêu điểm trong những ví dụ trên đều hướng đến việc thu hẹp khả năng diễn giải khác, qua đó định vị đối tượng như một trường hợp điển hình, rõ nét hoặc khó phủ nhận. Sự kết hợp giữa các yếu tố xác nhận và biểu thức nhấn mạnh giúp phát ngôn mang sắc thái khẳng định mạnh, đồng thời tăng hiệu lực thuyết phục trong diễn ngôn bình luận trực tuyến.

5.3.2. Làm mờ

Nếu Tiêu điểm làm sắc nét hướng đến xác lập tính điển hình và mức độ xác quyết cao của đối tượng đánh giá, thì Tiêu điểm làm mờ lại vận hành theo chiều ngược lại: tạo khoảng đệm cho phát ngôn và giảm mức độ cam kết của người nói đối với nhận định được đưa ra. Các biểu thức như “*có vẻ như*”, “*kiểu như*”, “*hình như*”, “*chắc là*”, “*cũng tạm*”... cho phép người bình luận giữ thái độ dè dặt, tránh tuyệt đối hóa đánh giá và mở ra khả năng diễn giải khác. Đây là kiểu biểu đạt đặc biệt phổ biến trong bình luận trực tuyến, nơi người dùng thường vừa muốn thể hiện quan điểm cá nhân tránh tạo cảm giác áp đặt.

Tiêu điểm làm mờ chiếm tần số thấp nhất (11/39 trường hợp, 28,2%), xuất hiện khi người bình luận muốn đưa ra đánh giá không chắc chắn hoặc tạo khoảng cách với phán xét của mình. Các phương tiện nhận diện: “*có vẻ như*”, “*kiểu như*”, “*hình như*”, “*chắc là*”, “*cũng tạm*”. Xét ví dụ:

(27) “Cái kết **[kiểu như]** chấp nhận được, không phải là hay nhưng cũng không tệ.” (VnExpress, tháng 5/2026)

(28) “**[Có vẻ như]** đạo diễn muốn kết phim theo hướng nhân văn, nhưng mình thấy chưa đủ thuyết phục.” (Kenh14, tháng 5/2026)

(29) “Diễn xuất của Ngân Hòa **[hình như]** có phần yếu hơn so với các diễn viên khác, nhưng **[có lẽ]** do sức khỏe.” (Facebook THVL, tháng 4/2026)

Trong câu (27), “kiểu như” đặt đánh giá “chấp nhận được” vào trạng thái phi điển mẫu: cái kết đạt đến gần nhưng không hoàn toàn là mức “chấp nhận được” lí tưởng. Cấu trúc “không phải là...nhưng cũng không...” là một chuỗi phủ định kép tạo ra vùng đánh giá trung gian, nơi đối tượng không thuộc hẳn về cực nào. Người viết chủ động tạo khoảng cách giữa mình với đánh giá, không muốn xác nhận tuyệt đối. Ở ví dụ (28), “có vẻ như” đánh dấu đánh giá là suy diễn chủ quan, không phải khẳng định trực tiếp vì người viết thể hiện mình đang phỏng đoán về ý đồ của đạo diễn chứ không khẳng định chắc chắn. Đây là dạng tiêu điểm làm mờ kết hợp với Giọng điệu theo hướng phỏng đoán, phổ biến trong diễn ngôn bình luận của người xem có ý thức phân tích cao. Trong trường hợp (29), “hình như” và “có lẽ” cùng xuất hiện trong một bình luận. Cả hai đều là phương tiện làm mờ nhưng “hình như” làm mờ nhận định về diễn xuất còn “có lẽ” làm mờ giải thích nguyên nhân. Sự xuất hiện cặp đôi này cho thấy người viết muốn thể hiện thái độ ôn hòa, không chỉ trích trực tiếp diễn viên đang bệnh nặng.

Qua các ví dụ trên chúng ta có thể thấy rằng các phương tiện làm mờ Tiêu điểm chủ yếu được sử dụng để giảm độ xác quyết của phát ngôn, chuyển nhận định từ trạng thái khẳng định trực tiếp sang suy đoán, ước lượng hoặc đánh giá tương đối. Nhờ đó, lời bình mang sắc thái mềm hóa, linh hoạt và giàu tính đối thoại hơn.

5.4. Nhận diện từ vựng giá trị Thang độ

Sau khi phân tích các kiểu Thang độ trong ngữ liệu, chúng tôi nhận thấy các giá trị này được hiện thực hóa bằng nhiều nguồn lực từ vựng và cấu trúc khác nhau. Chúng bao gồm trạng từ mức độ, cấu trúc tăng tiến, thành ngữ cực tính, biểu thức lượng hóa, cụm phạm vi không gian và thời gian cũng như các từ khẳng định hoặc giả định về mức độ điển hình. Việc hệ thống hóa những phương tiện này giúp nhận diện rõ hơn cách người bình luận lựa chọn, kết hợp và tổ chức ngôn ngữ để điều chỉnh sắc thái đánh giá trong diễn ngôn trực tuyến. Bảng 2 dưới đây khái quát các loại hình từ vựng/ cấu trúc tiêu biểu tương ứng với từng giá trị Thang độ.

Bảng 2. Nhận diện từ vựng giá trị Thang độ

TT	LOẠI THANG ĐỘ	TIÊU MỤC LỰC/ TIÊU ĐIỂM	TỪ LOẠI	VÍ DỤ
1	LỰC	Cường độ hóa tăng	Trạng từ chỉ mức độ cao	vô cùng, cực kì, siêu, thật sự...
2			Cấu trúc tăng tiến	càng...càng, ngày càng,...
3			Thành ngữ cực tính	đến tận xương tủy, cạn phước, không để đâu cho hết...
4			So sánh bậc hơn/ nhất	hay hơn, tệ nhất, sắc sảo hơn, bị ghét nhất, tệ nhất màn ảnh ...
5		Cường độ hóa giảm	Trạng từ chỉ mức độ thấp	khá, hơi, tương đối, cũng...
6		Lượng hóa tăng	Lượng từ toàn thể	tất cả, cả, hết, không ai...cả...
7			Lượng từ số lượng lớn	hàng triệu, hàng nghìn, nhiều ...
8			Cụm phạm vi không-thời gian	từ Bắc vô Nam, từ đầu đến cuối phim...
9			Phân bố toàn thể	bình luận nào cũng, ai cũng...

10		Lượng hóa giảm	Lượng từ số lượng nhỏ	<i>chỉ một vài, ít, hiếm hoi...</i>
11	TIÊU ĐIỂM	Sắc nét	Từ khẳng định điển mẫu	<i>đúng là, đích thị là, chính là, thật sự là...</i>
12		Làm mờ	Từ giả định phi điển mẫu	<i>có vẻ như, kiểu như, hình như...</i>

Từ bảng tổng hợp và các phân tích ở trên, chúng ta có thể nhận thấy một số đặc điểm cấu trúc-từ vựng nổi bật của Thang độ trong thể loại bình luận trực tuyến tiếng Việt như sau:

Thứ nhất, trạng từ chỉ mức độ là phương tiện nhận diện phổ biến nhất và linh hoạt nhất; chúng xuất hiện ở vị trí tiền bổ ngữ cho tính từ, hậu bổ ngữ cho động từ hoặc độc lập như yếu tố đánh giá tình thái. Đặc biệt, nhóm trạng từ mức độ cao trong tiếng Việt khẩu ngữ Nam Bộ như “*quá trời*”, “*thiệt sự*”, “*ghê lắm*”... mang thêm tầng nghĩa vùng miền, làm phong phú thêm bảng màu biểu cảm của ngữ liệu.

Thứ hai, các cụm như “*cạn phước*”, “*đến tận xương tủy*”, “*không để đâu cho hết*”, “*sôi máu*” vừa mang cường độ hóa nội tại rất mạnh vừa gắn liền với nét văn hóa biểu đạt cảm xúc của người Việt, đặc biệt trong không gian phi chính thức là bình luận trực tuyến.

Thứ ba, hiện tượng chồng thang độ - sử dụng liên tiếp nhiều biểu thức Thang độ cùng chiều trong một câu hoặc một bình luận ngắn - xuất hiện khá phổ biến trong ngữ liệu. Đây là chiến lược ngôn ngữ tạo hiệu ứng khuếch đại lũy tiến, đặc trưng của không gian bình luận số nơi người viết cạnh tranh sự chú ý và cần thể hiện cảm xúc nổi bật.

Thứ tư, ngữ liệu bình luận trực tuyến cho thấy cường độ hóa tăng là phương thức Thang độ chiếm ưu thế nổi bật. Hiện tượng này phản ánh đặc trưng của diễn ngôn bình luận phim trên mạng xã hội, nơi người dùng có xu hướng biểu đạt cảm xúc trực tiếp, nhấn mạnh thái độ và khuếch đại mức độ đánh giá nhằm thu hút sự chú ý cũng như tạo hiệu ứng tương tác. Khác với các diễn ngôn mang tính chuẩn mực hoặc học thuật, bình luận trực tuyến thường ưu tiên tính biểu cảm và tính chủ quan, vì vậy các phương tiện cường độ hóa được sử dụng với tần suất cao để làm nổi bật lập trường và cảm xúc cá nhân của người bình luận.

6. Kết luận

Dựa trên Lý thuyết đánh giá của Martin và White (2005), bài báo đã tiến hành khảo sát và phân tích đặc điểm ngữ nghĩa cùng nhận diện từ vựng-ngữ pháp của phạm trù Thang độ trong ngữ liệu bình luận trực tuyến tiếng Việt về phim truyền hình “*Bóng ma hạnh phúc*” phát sóng trên Đài Phát thanh - Truyền hình Vĩnh Long. Từ kết quả phân tích 351 biểu thức Thang độ trong 200 bình luận thu thập từ các nền tảng số, một số kết luận quan trọng được rút ra như sau.

Về đặc điểm phân bố tần số, Lực tăng chiếm ưu thế tuyệt đối với 273/351 trường hợp (77,8%) trong khi Lực giảm chỉ chiếm 39 trường hợp (11,1%) và Tiêu điểm chiếm 39 trường hợp (11,1%) còn lại. Trong nhóm Lực tăng, cường độ hóa chất lượng có tần số cao nhất (98 trường hợp, 35,9%), tiếp theo là lượng hóa con số (76 trường hợp, 27,8%), cường độ hóa quá trình (52 trường hợp, 19,0%), lượng hóa phạm vi (36 trường hợp, 13,2%) và lượng hóa khối lượng (11 trường hợp, 4,0%). Đáng chú ý, không ghi nhận trường hợp nào thuộc lượng hóa khối lượng quá trình và cường độ hóa giảm của quá trình. Điều này phản ánh đặc trưng của thể loại bình luận phi chính thức là người bình luận không có nhu cầu làm giảm nhẹ cường độ của một quá trình mà thường đi thẳng vào biểu đạt cảm xúc mạnh mẽ và trực tiếp.

Về đặc điểm ngữ nghĩa, kết quả phân tích cho thấy các giá trị Thang độ trong bình luận trực tuyến tiếng Việt về phim “*Bóng ma hạnh phúc*” vận hành theo hai chiều rõ rệt. Chiều tăng được sử dụng để cường độ hóa các cảm xúc tiêu cực hướng đến nhân vật phản diện (Hoàng Dũng, Như Trang) và để lượng hóa sức hút, tầm ảnh hưởng của bộ phim trong cộng đồng mạng. Chiều giảm xuất hiện chủ yếu trong các bình luận đánh giá cái kết phim với thái độ chùng mực, thể hiện chiến lược lịch sự ngôn ngữ của người bình luận khi không muốn phê phán quá gay gắt. Ở phạm trù Tiêu điểm, ngôn ngữ

thuộc tiểu mục Sắc nét chiếm ưu thế rõ rệt so với Làm mờ. Cụ thể, Sắc nét ghi nhận 28/39 trường hợp, tương đương 71,8% trong phạm trù Tiêu điểm, trong khi Làm mờ có 11/39 trường hợp, chiếm 28,2%. Nếu xét trên toàn bộ hệ thống Thang độ, hai tiểu mục này lần lượt chiếm 8,0% và 3,1%. Điều này cho thấy người bình luận có xu hướng khẳng định đánh giá của mình như một nhận định xác thực và điển mẫu hơn là làm dịu hay giữ chừng mực với phán xét được đưa ra.

Về đặc điểm từ vựng - ngữ pháp, Thang độ trong bình luận trực tuyến tiếng Việt được hiện thực hóa bằng hệ thống phương tiện đa dạng, thuộc nhiều từ loại và cấu trúc cú pháp khác nhau. Nghiên cứu ghi nhận mười hai nhóm phương tiện biểu đạt, trong đó nổi bật là các phó từ chỉ mức độ cao như “vô cùng”, “cực kì”, “quá”, “quá trời”, “thật sự”...; các cấu trúc so sánh bậc hơn và bậc nhất; các lượng từ chỉ phạm vi rộng, số lượng lớn; danh từ, động từ mang nghĩa cường độ mạnh; thành ngữ cực tính như “ghét cay ghét đắng”, “đến tận xương tủy”, “khóc hết nước mắt”, “cạn phước”... và các biểu thức khẳng định điển mẫu hóa như “thật sự là”, “đích thị là”...

Trong số đó, phó từ chỉ mức độ cao và thành ngữ cực tính là hai nhóm phương tiện đặc trưng nhất của diễn ngôn bình luận trực tuyến tiếng Việt vì chúng trực tiếp khuếch đại sắc thái đánh giá và biểu cảm của người bình luận. Đáng chú ý, cấu trúc tăng tiến “càng... càng” và cấu trúc lượng hóa phân bổ toàn thể [danh từ] + “nào + cũng” cho thấy mức độ ngữ pháp hóa rõ rệt, đồng thời phản ánh nét riêng của hệ thống Thang độ tiếng Việt. Bên cạnh các phương tiện trên, lượng hóa phạm vi không gian - thời gian, chẳng hạn “từ Bắc vô Nam”, “từ đầu đến cuối phim”, “từ trước đến nay”... cũng xuất hiện với tần số đáng kể gồm 36 trường hợp. Sự hiện diện tương đối cao của nhóm này cho thấy khán giả có xu hướng mở rộng phạm vi đánh giá ra toàn bộ bình diện không gian hoặc thời gian, qua đó nhấn mạnh sức hút, mức độ lan tỏa và tầm ảnh hưởng xã hội của bộ phim.

Những kết quả trên không chỉ đóng góp vào việc mô tả hệ thống Thang độ trong tiếng Việt từ góc độ Lí thuyết đánh giá mà còn cung cấp tư liệu thực nghiệm về đặc điểm ngôn ngữ trong thể loại bình luận phim trực tuyến - một thể loại diễn ngôn mới còn ít được nghiên cứu ở Việt Nam. Về mặt ứng dụng, kết quả nghiên cứu hỗ trợ người dạy và học ngoại ngữ nhận diện và phân biệt các phương tiện biểu đạt Thang độ trong tiếng Việt và tiếng Anh trong bối cảnh diễn ngôn số đang ngày càng trở thành một môi trường giao tiếp quan trọng trong đời sống hiện đại. Hướng nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng ngữ liệu sang bình luận về các thể loại phim khác, so sánh đối chiếu Thang độ theo giới tính và thể hệ người bình luận hoặc triển khai phân tích ba phạm trù đầy đủ của Lí thuyết đánh giá (Thái độ, Giọng điệu và Thang độ) trong cùng một ngữ liệu để có bức tranh toàn diện hơn về ngôn ngữ đánh giá trong diễn ngôn bình luận phim trực tuyến tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Huỳnh Thị Chuyên (2014), *Ngôn ngữ bình luận trong báo in tiếng Việt hiện nay*. Luận án Tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
2. Ngũ Thiện Hùng & Võ Nguyễn Thùy Trang (2021), “Phân tích diễn ngôn tích cực về Thái độ và Thang độ trong bài báo bình luận kinh tế liên quan đến đại dịch Covid-19”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, 19(10), tr. 49–54.
3. Nguyễn Thị Linh Tú (2019), “Khái quát tình hình phát triển và ứng dụng lí thuyết đánh giá trong nghiên cứu ngôn ngữ ở Trung Quốc”, *Tạp chí Khoa học - Đại học Huế: Xã hội Nhân văn*, 128(6A), tr.63-76.
4. Võ Duy Đức (2013), “Language and ideology in English and Vietnamese business hard news reporting: A comparative study”, *The Southeast Asian Journal of English Language Studies*, 19(2), tr.1-12.
5. Võ Nguyễn Thùy Trang (2020), “Phạm trù Thái độ và Thang độ trong bài báo về Covid-19 nhìn từ Lí thuyết đánh giá”, *Tạp chí Khoa học Xã hội, Nhân văn & Giáo dục*, 10(1), tr.112-118.

Tiếng Anh

6. Bednarek, M. (2008), *Emotion Talk Across Corpora*, London: Palgrave Macmillan. Google Scholar
7. Carretero, M. & Taboada, M. (2014), *Graduation within the scope of Attitude in English and Spanish consumer reviews of books and movies*, In G. Thompson & L. Alba-Juez (Eds.), *Evaluation in context* (pp. 221–239), John Benjamins.
8. D.P.A. Truc (2022), *Language of Graduation in English Literary Discourse through the Lens of Translation*, Doctoral Thesis. Da Nang University.
9. Halliday, M. A. K., & Matthiessen, C. M. I. M. (2004). *An introduction to functional grammar (3rd ed.)*. London: Arnold.
10. Kuswoyo, H., Sujatna, E. T. S., Afrianto, & Rido, A. (2022). “This novel is not totally full of tears...”: Graduation resources as appraisal strategies in EFL students' fiction book review oral presentation. *World Journal of English Language*, 12(6), 294–303.
11. Martin, J. R. (2000). *Beyond exchange: Appraisal systems in English*. In S. Hunston & G. Thompson (Eds.), *Evaluation in Text* (pp. 142–175). Oxford University Press.
12. Martin, J. R. & White, P. R. R. (2005), *The language of evaluation: Appraisal in English*, Palgrave Macmillan.
13. N.M.K. Duyen (2019), *An Investigation into Graduation in Online Film Reviews*, Master Thesis, Quy Nhon University.
14. Taboada, M. & Carretero, M. (2012), “Contrastive analyses of evaluation in text: Key issues in the design of an annotation system for attitude applicable to consumer reviews in English and Spanish”, *Linguistics and the Human Sciences*, 6(1–3), p.275–296.
15. Xinxin Zhang (2016), “Positive Discourse Analysis of Attitude System in economic news”, *International Journal of Arts and Commerce* (57), p.12–17.

Websites

<https://kenh14.vn/cine/phim-truyen-hinh.chn>

<https://tuoitre.vn/phim-viet-e229.htm>

<https://vnexpress.net/giai-tri/phim>

<https://www.youtube.com/watch?v=-tZCq-xJU1g>

https://www.facebook.com/VinhLongTV/?locale=vi_VN

Graduation resources in online comments on the television series**“The Ghost of happiness”**

Abstract: Drawing on Martin and White’s (2005) Appraisal Theory, this paper examines Graduation resources in 200 online comments posted by Vietnamese viewers of the television series *The Ghost of happiness*. The series was broadcast on Vinh Long Radio and Television between March and May 2026. The analysis focuses on the semantic features of these resources and the lexico-grammatical patterns through which they are realized. Through a qualitative analysis complemented by quantitative statistics, the study identifies linguistic resources realizing Graduation under the two subsystems of Force and Focus in Vietnamese social media commentary discourse. The findings reveal that commenters extensively deploy intensification and quantification resources to express strong evaluative attitudes toward narrative events, in which up-scaling strategies prove overwhelmingly predominant. This pattern reflects the interactive and highly affective nature of online review discourse. The study contributes empirical evidence to the growing body of research on evaluative language in Vietnamese online film commentary.

Key words: Appraisal theory; Graduation; Force; Focus; online comments.